

**Mẫu số 05-HĐ-LC: Hợp đồng phát hành thư tín dụng theo hạn mức ký với khách hàng là pháp nhân (kèm theo Hợp đồng Cấp tín dụng)**

*Ban hành kèm theo Công văn số 17536/VCB-PC ngày 30/09/2024 của Tổng giám đốc về việc ban hành bộ Hợp đồng cấp tín dụng*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG PHÁT HÀNH THƯ TÍN DỤNG THEO HẠN MỨC**

**Số: 2026042/LCHM/KHBB**

*(Kèm theo Hợp đồng Cấp tín dụng số 2026042/CTD/KHBB ký ngày ....../...../2026 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai và Công Ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Ngọc Thơm)*

Hợp đồng này được ký ngày ..... tháng ..... năm 2026 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai giữa các bên sau đây:

**BÊN PHÁT HÀNH THƯ TÍN DỤNG:**

**NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 53A/4, Quốc Lộ 1A, phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251.3646151

Fax: 0251.3646157

**Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số: 0100112437 - 145 do Sở KHĐT tỉnh Đồng Nai cấp ngày 07/04/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18/01/2023**

Người đại diện: **NGUYỄN CHUNG NAM**

Chức vụ: **Phó giám đốc**

*(Theo Giấy ủy quyền số 800/UQ-VCB-PC ngày 18/12/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam)*

*Sau đây gọi là “Ngân hàng”*

**BÊN ĐƯỢC PHÁT HÀNH THƯ TÍN DỤNG:**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM**

Địa chỉ: 12/14/18 Đường 49, Khu phố 69, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0286.2906631

Fax:

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309391503 do Sở Tài chính TP. HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 25/09/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 26/08/2025**

Đại diện: **TRẦN THỊ THƠM**

Chức vụ: **Chủ tịch Công ty**

Tài khoản đồng Việt Nam số: 1027349624 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

*Sau đây gọi là “Khách hàng”*

**Hai bên thoả thuận ký Hợp đồng này với các điều khoản sau đây:**

**Điều 1. Giải thích từ ngữ**

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. **Bên thụ hưởng:** là bên bán, xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ quy định tại Thư tín dụng hoặc bên có quyền thụ hưởng theo Thư tín dụng đã phát hành.

- 1.2. **Bộ chứng từ:** là các chứng từ mà Bên thụ hưởng theo Thư tín dụng phải xuất trình để được thanh toán theo quy định tại Thư tín dụng, bao gồm nhưng không giới hạn các chứng từ sau: hối phiếu đòi tiền Ngân hàng, hóa đơn, giấy tờ chứng nhận sở hữu, chứng từ vận tải, chứng từ bảo hiểm, các chứng từ khác có liên quan đến hàng hoá và/hoặc dịch vụ và/hoặc chứng từ mang tên Khách hàng mà Khách hàng đề nghị Ngân hàng phát hành Thư tín dụng.
- 1.3. **Hợp đồng:** là Hợp đồng phát hành Thư tín dụng theo hạn mức số **2026042/LCHM/KHBB** ký ngày ...../...../2026 giữa Ngân hàng và Khách hàng, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại từng thời điểm.
- 1.4. **Hợp đồng Cấp tín dụng:** là Hợp đồng Cấp tín dụng số **2026042/CTD/KHBB** ký ngày ...../...../2026 giữa Ngân hàng và Khách hàng, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại từng thời điểm.
- 1.5. **Hợp đồng Mua bán Hàng hóa, Cung ứng Dịch vụ:** là bất kỳ thỏa thuận, hợp đồng, văn bản, giấy tờ nào được giao kết giữa Khách hàng và bên thứ ba tại từng thời điểm, theo đó bên thứ ba chuyển quyền sở hữu hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ cho Khách hàng và Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, hợp đồng, văn bản, giấy tờ đó.
- 1.6. **Hạn mức Phát hành Thư tín dụng:** là Số dư Phát hành Thư tín dụng tối đa được duy trì trong Thời hạn Duy trì Hạn mức Phát hành Thư tín dụng và được quy định cụ thể tại khoản 2.1 Điều 2 Hợp đồng này.
- 1.7. **Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ):** là việc Ngân hàng chủ động trích tiền (ghi Nợ) bất kỳ tài khoản nào (tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi và tài khoản khác) của Khách hàng và/hoặc đơn vị phụ thuộc của Khách hàng mở tại Bên Phát Hành Thư Tín Dụng và/hoặc các Chi nhánh của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB), công ty con của VCB để để thanh toán theo Thư tín dụng hoặc thu hồi số tiền Ngân hàng đã thanh toán theo Thư tín dụng, lãi, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).
- 1.8. **Quy tắc Tín dụng Chứng từ:** là *Quy tắc và thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ (UCP 600 2007) và Tập quán ngân hàng tiêu chuẩn quốc tế về kiểm tra chứng từ trong phương thức thư tín dụng (ISBP 745) do Phòng Thương mại Quốc tế (ICC) ban hành.*
- 1.9. **Thời hạn Duy trì Hạn mức Phát hành Thư tín dụng:** là khoảng thời gian Khách hàng được duy trì Số dư Phát hành Thư tín dụng chưa thanh toán tối đa và được quy định cụ thể tại khoản 2.3 Điều 2 của Hợp đồng này.
- 1.10. **Thư tín dụng:** là văn bản cam kết không hủy ngang do Ngân hàng phát hành cho Bên thụ hưởng theo đề nghị của Khách hàng tại Đề nghị Phát hành Thư tín dụng đã được Ngân hàng chấp thuận phù hợp với quy định của pháp luật.
- 1.11. **Đề nghị Phát hành Thư tín dụng:** là văn bản, dữ liệu do Khách hàng lập và ký theo mẫu của Ngân hàng để đề nghị Ngân hàng phát hành Thư tín dụng trong Thời hạn Duy trì Hạn mức Phát hành Thư tín dụng.
- 1.12. **Số dư Phát hành Thư tín dụng:** là tổng trị giá Thư tín dụng chưa thanh toán bao gồm cả các cam kết trả chậm của Ngân hàng theo Thư tín dụng.

## **Điều 2. Hạn mức, Đồng tiền, Thời hạn và Mục đích Phát hành Thư tín dụng**

### **2.1. Hạn mức Phát hành Thư tín dụng:**

- 2.1.1. Theo các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng này, Ngân hàng đồng ý phát hành (các) Thư tín dụng với Hạn mức Phát hành Thư tín dụng là: **25.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai**

**mười lăm tỷ đồng).**

2.1.2. Hạn mức Phát hành Thư tín dụng quy định tại điểm 2.1.1 khoản 2.1 Điều này còn bao gồm cả Số dư Phát hành Thư tín dụng theo:

Hợp đồng Phát hành thư tín dụng theo hạn mức số 20250026/LCHM/KHBB ký ngày .../.../2025 giữa Ngân hàng và Khách hàng tính đến ngày ký Hợp đồng này.

2.1.3. Tại mọi thời điểm, tổng Số dư Phát hành Thư tín dụng của Khách hàng không vượt quá Hạn mức Phát hành Thư tín dụng quy định tại điểm 2.1.1 Khoản 2.1 Điều này, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

## **2.2. Đồng tiền phát hành Thư tín dụng:**

2.2.1. Đồng tiền tại Thư tín dụng và đồng tiền sử dụng thanh toán theo Thư tín dụng là đồng tiền ghi tại Đề nghị Phát hành Thư tín dụng và phù hợp với đồng tiền phải thanh toán cho Bên thụ hưởng tại Hợp đồng Mua bán Hàng hóa, Cung ứng Dịch vụ.

2.2.2. Trường hợp Khách hàng đề nghị đồng tiền tại Thư tín dụng và đồng tiền sử dụng thanh toán theo Thư tín dụng bằng nhiều đồng tiền khác nhau thì Ngân hàng có quyền quy đổi trên danh nghĩa Số dư Phát hành Thư tín dụng về một đồng tiền theo tỷ giá quy đổi do Ngân hàng quyết định tại thời điểm quy đổi nhằm quản lý Hạn mức Phát hành Thư tín dụng quy định tại Khoản 2.1 Điều này.

## **2.3. Thời hạn Duy trì Hạn mức Phát hành Thư tín dụng:**

2.3.1. Thời hạn Duy trì Hạn mức Phát hành Thư tín dụng:

Thời hạn Duy trì Hạn mức Phát hành Thư tín dụng là: 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực.

2.3.2. Thời hạn Duy trì Hạn mức Phát hành Thư tín dụng không vượt quá Thời hạn Hiệu lực của Giới hạn Cấp tín dụng quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng.

2.3.3. Nếu hết Thời hạn Duy trì Hạn mức Phát hành Thư tín dụng mà Khách hàng không sử dụng hoặc sử dụng không hết Hạn mức Phát hành Thư tín dụng thì Khách hàng không được tiếp tục sử dụng Hạn mức Phát hành Thư tín dụng.

2.3.4. Trường hợp hết Thời hạn Duy trì Hạn mức Phát hành Thư tín dụng nhưng chưa hết Thời hạn Hiệu lực của Giới hạn Cấp tín dụng quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng thì Khách hàng được chuyển giới hạn phát hành Thư tín dụng chưa sử dụng sang giới hạn của hình thức cấp tín dụng khác, nếu được Ngân hàng chấp thuận và phù hợp với quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng.

## **2.4. Mục đích phát hành Thư tín dụng:**

2.4.1 Ngân hàng phát hành Thư tín dụng theo yêu cầu của Khách hàng để sử dụng vào mục đích: Phát hành LC ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.

2.4.2 Hợp đồng Mua bán hàng hóa, Cung ứng dịch vụ là cơ sở phát hành Thư tín dụng theo Hợp đồng này được nêu tại (các) Đề nghị Phát hành Thư tín dụng do Khách hàng lập gửi Ngân hàng khi đề nghị phát hành Thư tín dụng”.

## **Điều 3. Phát hành Thư tín dụng**

### **3.1. Điều kiện phát hành Thư tín dụng:**

Ngân hàng đồng ý phát hành Thư tín dụng khi tất cả các điều kiện dưới đây đã được đáp ứng, trừ trường hợp Ngân hàng quyết định không áp dụng một số điều kiện nhất định đối với Khách hàng:

- 3.1.1. Khách hàng đề nghị phát hành Thư tín dụng với Số dư Phát hành Thư tín dụng không vượt quá Hạn mức Phát hành Thư tín dụng chưa sử dụng trong Thời hạn Duy trì Hạn mức Phát hành Thư tín dụng.
- 3.1.2. Các văn bản khác có liên quan đến việc phát hành Thư tín dụng có nội dung, hình thức, số lượng phù hợp với quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng Cấp tín dụng, quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng.
- 3.1.3. Ngân hàng đã nhận được đầy đủ hồ sơ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến việc phát hành Thư tín dụng phù hợp với quy định tại Hợp đồng này và/hoặc Hợp đồng Cấp tín dụng.
- 3.1.4. Ngân hàng nhận được văn bản của Khách hàng về Đề nghị Phát hành Thư tín dụng, nguồn tiền thanh toán Hợp đồng Mua bán Hàng hóa, Cung ứng Dịch vụ phù hợp với quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng Cấp tín dụng, Hợp đồng Mua bán Hàng hóa, Cung ứng Dịch vụ, các quy định của Quy tắc Tín dụng Chứng từ, các quy định của Ngân hàng và các quy định của pháp luật.
- 3.1.5. Ngân hàng nhận được văn bản của cấp có thẩm quyền của Khách hàng thông qua hoặc chấp thuận việc phát hành Thư tín dụng theo Hợp đồng này.
- 3.1.6. Các điều kiện khác: -/-

### **3.2. Thủ tục phát hành Thư tín dụng:**

- 3.2.1. Mỗi lần đề nghị Ngân hàng phát hành Thư tín dụng, Khách hàng cung cấp cho Ngân hàng hồ sơ đề nghị phát hành Thư tín dụng có nội dung, hình thức và số lượng đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng, bao gồm:
  - a) Bản gốc Đề nghị Phát hành Thư tín dụng;
  - b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao y bản chính Hợp đồng Mua bán Hàng hóa, Cung ứng Dịch vụ;
  - c) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao y bản chính Văn bản cho phép nhập khẩu của Bộ Công thương hoặc cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu phải có giấy phép;
  - d) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao y bản chính Văn bản xác nhận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc đăng ký vay và trả nợ nước ngoài đối với trường hợp Thư tín dụng nhập khẩu có thời hạn trả chậm trên 01 (một) năm;
  - e) Các hồ sơ, tài liệu khác theo yêu cầu của Ngân hàng và/hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với từng trường hợp cụ thể.
- 3.2.2. Sau khi Ngân hàng đã nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị phát hành thư tín dụng do Khách hàng cung cấp theo quy định tại Hợp đồng này và/hoặc Hợp đồng Cấp tín dụng thì Ngân hàng thực hiện phát hành Thư tín dụng. Trường hợp sau Ngân hàng không phát hành Thư tín dụng, Ngân hàng thông báo bằng văn bản cho Khách hàng về việc không chấp thuận phát hành Thư tín dụng và nêu rõ lý do từ chối phát hành Thư tín dụng.
- 3.2.3. Việc sửa đổi, bổ sung, chấp nhận thanh toán, thanh toán, hủy Thư tín dụng và khôi phục Số dư Phát hành Thư tín dụng được thực hiện theo quy định của Ngân hàng và quy định của pháp luật, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

### **3.3. Tính độc lập của Thư tín dụng:**

- 3.3.1. Thư tín dụng do Ngân hàng phát hành là giao dịch độc lập với Hợp đồng Mua bán Hàng hóa, Cung ứng Dịch vụ như sau:
- a) Cam kết của Ngân hàng về việc thanh toán, chấp nhận thanh toán hoặc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo Thư tín dụng không phụ thuộc vào các khiếu nại hoặc tranh chấp của Khách hàng phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng Mua bán Hàng hóa, Cung ứng Dịch vụ.
  - b) Khách hàng không được viện dẫn các khiếu nại, tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng Mua bán Hàng hóa, Cung ứng Dịch vụ để từ chối, trì hoãn thanh toán khi Bộ chứng từ xuất trình theo Thư tín dụng được Ngân hàng xác định là phù hợp với các điều kiện, điều khoản của Thư tín dụng và các quy định của Quy tắc Tín dụng Chứng từ.
- 3.3.2. Ngân hàng chỉ có nghĩa vụ căn cứ các thông tin xuất hiện trên bề mặt các chứng từ của Bộ chứng từ để xem xét, quyết định và đánh giá Bộ chứng từ đó phù hợp với các điều kiện, điều khoản của Thư tín dụng và các quy định của Quy tắc Tín dụng Chứng từ. Ngân hàng không có bất kỳ nghĩa vụ nào đối với:
- a) Hình thức, sự đầy đủ, tính chính xác, tính chân thực, sự giả mạo hoặc hiệu lực của Bộ chứng từ hoặc đối với các điều kiện chung hoặc điều kiện riêng quy định trong Bộ chứng từ hoặc các chứng từ bổ sung (nếu có).
  - b) Việc mô tả, số lượng, trọng lượng, chất lượng, điều kiện, cách thức đóng gói, giao nhận, giá trị hoặc sự tồn tại của hàng hóa, dịch vụ hoặc việc thực hiện khác thể hiện trên bất kỳ chứng từ nào, hoặc đối với thiện chí, hành động hoặc không hành động, khả năng thanh toán, thực hiện nghĩa vụ hoặc vai trò của người gửi hàng, người vận chuyển, người giao nhận, người nhận hàng hoặc người bảo hiểm hàng hóa hoặc bất kỳ người nào khác.
- 3.4. **Ngày đến hạn thanh toán Thư tín dụng:** Ngân hàng xác định theo từng Thư tín dụng phát hành trên cơ sở hồ sơ đề nghị phát hành thư tín dụng do Khách hàng cung cấp theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng Cấp tín dụng và quy định liên quan của pháp luật.
- 3.5. Các thủ tục khác:**
- 3.5.1. Trường hợp pháp luật có quy định bắt buộc áp dụng biện pháp bảo đảm ký quỹ hoặc theo yêu cầu của Ngân hàng, thì Khách hàng thực hiện biện pháp bảo đảm ký quỹ theo quy định tại Điều 6 Hợp đồng này.
- 3.5.2. Trường hợp Khách hàng đề nghị Ngân hàng phát hành thư bảo lãnh nhận hàng, thư ủy quyền nhận hàng hoặc ký hậu vận đơn, Khách hàng ký và cung cấp cho Ngân hàng các tài liệu, dữ liệu sau:
- a) Văn bản yêu cầu Ngân hàng phát hành thư bảo lãnh nhận hàng theo mẫu của Ngân hàng kèm theo 01 (một) bản sao vận đơn đường biển hoặc vận đơn hàng không, 01 (một) bản sao hóa đơn và các tài liệu khác (nếu có) theo yêu cầu của Ngân hàng.
  - b) Văn bản yêu cầu Ngân hàng phát hành thư ủy quyền nhận hàng theo mẫu của Ngân hàng kèm theo 01 (một) bản gốc vận đơn hàng không hoặc vận đơn đường sắt, 01 (một) bản sao hóa đơn và các tài liệu khác (nếu có) theo yêu cầu của Ngân hàng.
  - c) Văn bản yêu cầu Ngân hàng ký hậu vận đơn đường biển theo mẫu của Ngân hàng kèm theo 01 (một) bản sao hóa đơn, 01 (một) bản gốc vận đơn đường biển và các tài liệu khác (nếu có) theo yêu cầu của Ngân hàng.

#### **Điều 4. Thanh toán theo Thư tín dụng và bắt buộc nhận nợ**

- 4.1. Trên cơ sở nhận được thư đòi tiền hoặc điện đòi tiền và/hoặc Bộ chứng từ đòi tiền phù hợp với các điều kiện, điều khoản của Thư tín dụng và các quy định của Quy tắc Tín dụng Chứng từ, Ngân hàng thanh toán theo Thư tín dụng như sau:
- 4.1.1. Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ) để thanh toán theo Thư tín dụng.
- 4.1.2. Trường hợp các tài khoản được Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ) không có tiền hoặc không đủ tiền để thanh toán theo Thư tín dụng, Khách hàng phải chuyển ngay số tiền tương ứng với số tiền Ngân hàng phải thanh toán theo Thư tín dụng vào tài khoản của Khách hàng mở tại Ngân hàng và/hoặc chuyển tiền vào tài khoản do Ngân hàng chỉ định để Ngân hàng thanh toán theo Thư tín dụng.
- 4.1.3. Trường hợp Khách hàng không thực hiện quy định tại điểm 4.1.2 khoản 4.1 Điều này mà có giới hạn cho vay chưa sử dụng tại Ngân hàng thì Khách hàng phải thực hiện thủ tục giải ngân vốn vay và nhận nợ tại Ngân hàng như sau:
- Thực hiện thủ tục giải ngân vốn vay và ký giấy nhận nợ phù hợp với quy định tại Hợp đồng Cho vay số **2026042/CVHM/KHBB** ký ngày ...../...../2026 giữa Ngân hàng và Khách hàng.
  - Thời điểm nhận nợ và thời điểm tính lãi tiền vay được tính từ thời điểm Ngân hàng thanh toán theo Thư tín dụng.
  - Số tiền Khách hàng phải nhận nợ là số tiền tương đương với số tiền Ngân hàng thanh toán theo Thư tín dụng trừ (-) số tiền Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ) theo quy định tại điểm 4.1.1 khoản 4.1 Điều này (nếu có).
- 4.1.4. Khách hàng phải nhận nợ vay bắt buộc tại Ngân hàng khi Khách hàng thuộc một trong các trường hợp sau:
- Không đáp ứng các điều kiện được giải ngân vốn vay khi thực hiện thủ tục giải ngân vốn vay và nhận nợ theo quy định tại điểm 4.1.3 khoản 4.1 Điều này.
  - Vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng, Hợp đồng này và Quy tắc Tín dụng Chứng từ.
- 4.1.5. Ngay khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại điểm 4.1.4 khoản 4.1 Điều này, Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng mở một hoặc nhiều tài khoản cho vay bắt buộc của Khách hàng để hạch toán ghi nợ vào tài khoản cho vay bắt buộc số tiền Ngân hàng đã thanh toán theo Thư tín dụng. Trong trường hợp này, Ngân hàng thông báo bằng văn bản cho Khách hàng biết việc đã thanh toán theo Thư tín dụng. Khách hàng có nghĩa vụ trả đầy đủ số tiền Ngân hàng đã thanh toán theo Thư tín dụng cùng với số tiền lãi theo quy định tại Hợp đồng này.
- 4.1.6. Khi Ngân hàng hạch toán ghi nợ vào tài khoản cho vay bắt buộc số tiền Ngân hàng đã thanh toán theo Thư tín dụng quy định tại điểm 4.1.5 khoản 4.1 Điều này, Khách hàng đồng ý thực hiện như sau:
- Nhận nợ vay bắt buộc theo thông báo của Ngân hàng.
  - Mức lãi suất áp dụng đối với số tiền nhận nợ vay bắt buộc được xác định theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ vay bắt buộc (không vượt quá 150% lãi suất cho vay thông thường của Ngân hàng đang áp dụng đối với khoản vay có thời hạn tương ứng), kể từ ngày Ngân hàng thanh toán theo Thư tín dụng cho đến khi Khách

hàng trả hết số tiền Ngân hàng đã thanh toán theo Thư tín dụng, lãi, phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).

- c) Thanh toán tiền lãi chậm trả theo mức 10 % tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
  - d) Hợp đồng này, (các) Đề nghị Phát hành Thư tín dụng của Khách hàng gửi đến Ngân hàng và thông báo bằng văn bản của Ngân hàng gửi Khách hàng về việc Ngân hàng đã thanh toán theo Thư tín dụng là căn cứ xác nhận nợ của Khách hàng đối với số tiền mà Ngân hàng đã thanh toán theo Thư tín dụng.
  - e) Các nội dung chi tiết khác về khoản cho vay bắt buộc được xác định theo thông báo bằng văn bản của Ngân hàng gửi đến Khách hàng tại thời điểm nhận nợ vay bắt buộc.
- 4.2. Trường hợp Khách hàng đã được Ngân hàng phát hành thư bảo lãnh nhận hàng, thư ủy quyền nhận hàng hoặc ký hậu vận đơn theo quy định tại khoản 3.5 Điều 3 Hợp đồng này, Ngân hàng có quyền chủ động thực hiện các quy định tại khoản 4.1 Điều này.
- 4.3. Nếu thư đòi tiền hoặc điện đòi tiền và/hoặc Bộ chứng từ đòi tiền không phù hợp với các điều kiện, điều khoản của Thư tín dụng và các quy định của Quy tắc Tín dụng Chứng từ, Ngân hàng có quyền từ chối thanh toán theo Thư tín dụng hoặc trao đổi, thông báo với Khách hàng về việc thư đòi tiền hoặc điện đòi tiền và/hoặc Bộ chứng từ đòi tiền không phù hợp. Trong trường hợp này, các bên thực hiện theo quy định của Thư tín dụng, quy định của Quy tắc Tín dụng Chứng từ và các quy định của Ngân hàng.

#### **Điều 5. Phí phát hành Thư tín dụng và các loại phí khác**

- 5.1. Khách hàng phải trả phí phát hành Thư tín dụng và các phí khác (nếu có) cho Ngân hàng:
  - Theo biểu phí của Ngân hàng công bố trong từng thời kỳ.
- 5.2. Thời điểm thu phí:
  - Ngay khi phát hành Thư tín dụng.
- 5.3. Trường hợp Bên thụ hưởng hoặc bên thứ ba liên quan đến Thư tín dụng có nghĩa vụ trả phí mà Ngân hàng không thu được từ Bên thụ hưởng và bên thứ ba thì Khách hàng cam kết trả toàn bộ các phí này.
- 5.4. Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ) để thu phí phát hành Thư tín dụng, điện phí, bưu phí, các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có), trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trường hợp tài khoản được Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ) không đủ tiền để Ngân hàng thu phí phát hành Thư tín dụng, điện phí, bưu phí, các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) thì Khách hàng phải trả đầy đủ ngay cho Ngân hàng bằng các nguồn khác.

#### **Điều 6. Biện pháp bảo đảm**

- 6.1. Nghĩa vụ của Khách hàng phát sinh theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng.
- 6.2. Nghĩa vụ của Khách hàng theo Hợp đồng này còn có thể được bảo đảm bằng số tiền Khách hàng ký quỹ tại Ngân hàng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Số tiền Khách hàng ký quỹ tại Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ của Khách hàng theo Hợp đồng này được quy định cụ thể tại Đề nghị Phát hành Thư tín dụng.

#### **Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng**

Ngân hàng có các quyền và nghĩa vụ sau:

- 7.1 Yêu cầu Khách hàng cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực các tài liệu, dữ liệu thông tin liên quan đến việc phát hành Thư tín dụng, tình hình sản xuất kinh doanh, tình

hình tài chính, những thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy, vốn, tài sản, điều lệ, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa điểm sản xuất kinh doanh, việc đổi mới sắp xếp lại hoạt động kinh doanh của Khách hàng, các thông tin liên quan đến tài sản bảo đảm và các thông tin khác theo quy định tại Hợp đồng này

- 7.2 Từ chối đề nghị phát hành Thư tín dụng của Khách hàng, nếu thấy không có hiệu quả hoặc không đủ điều kiện phát hành Thư tín dụng hoặc đề nghị phát hành Thư tín dụng không phù hợp với quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng Cấp tín dụng, Quy tắc Tín dụng Chứng từ, các quy định nội bộ của Ngân hàng và quy định của pháp luật có liên quan.
- 7.3 Thu, điều chỉnh phí phát hành Thư tín dụng; áp dụng, điều chỉnh lãi, phí theo quy định của Ngân hàng và quy định của pháp luật.
- 7.4 Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ) theo quy định tại Hợp đồng này và/hoặc khấu trừ bất kỳ khoản tiền gửi nào của Khách hàng (bao gồm tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi khác) tại VCB, công ty con của VCB.
- 7.5 Thanh toán cho bên thứ ba (Bên thụ hưởng) theo Thư tín dụng khi thư đòi tiền hoặc điện đòi tiền và/hoặc Bộ chứng từ đòi tiền phù hợp với các điều kiện, điều khoản quy định tại Thư tín dụng và các quy định của Quy tắc Tín dụng Chứng từ.
- 7.6 Từ chối thanh toán cho bên thứ ba (Bên thụ hưởng) theo Thư tín dụng khi thư đòi tiền hoặc điện đòi tiền và/hoặc Bộ chứng từ đòi tiền không phù hợp với các điều kiện, điều khoản quy định tại Thư tín dụng và các quy định của Quy tắc Tín dụng Chứng từ.
- 7.7 Hạch toán ghi nợ cho Khách hàng khi Ngân hàng thanh toán theo Thư tín dụng hoặc khi Ngân hàng hoàn trả thanh toán cho Bên thụ hưởng trong trường hợp Ngân hàng phát hành Thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận Bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán Thư tín dụng; yêu cầu Khách hàng trả số tiền mà Ngân hàng đã thanh toán theo Thư tín dụng, lãi, phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).
- 7.8 Kiểm soát, sở hữu, nắm giữ đối với Bộ chứng từ quy định tại Hợp đồng này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
- 7.9 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng Cấp tín dụng, quy định của pháp luật, và các quy định của Quy tắc Tín dụng Chứng từ.

#### **Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng**

Khách hàng có các quyền và nghĩa vụ sau:

- 8.1 Từ chối các yêu cầu của ngân hàng không phù hợp với các quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng Cấp tín dụng và quy định của pháp luật.
- 8.2 Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực Hợp đồng Mua bán Hàng hóa, Cung ứng Dịch vụ và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) và mọi thông tin, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến việc phát hành Thư tín dụng theo yêu cầu của Ngân hàng; bảo đảm về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu, dữ liệu cung cấp cho Ngân hàng.
- 8.3 Trả ngay số tiền Ngân hàng đã thanh toán theo Thư tín dụng và các chi phí phát sinh từ việc thanh toán theo Thư tín dụng; trả khoản nợ vay bắt buộc trong trường hợp phải nhận nợ vay bắt buộc bao gồm nợ gốc, lãi, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng này và Hợp đồng Cấp tín dụng.
- 8.4 Đồng ý việc Ngân hàng Chủ động Trích tiền (ghi Nợ) theo quy định tại Hợp đồng này.

- 8.5 Thực hiện đúng, đủ các quyền và nghĩa vụ, cam kết phát sinh theo Hợp đồng Mua bán Hàng hóa, Cung ứng Dịch vụ; báo cáo kịp thời, đầy đủ cho Ngân hàng tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Khách hàng liên quan đến Hợp đồng Mua bán Hàng hóa, Cung ứng Dịch vụ.
- 8.6 Tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật về xuất nhập khẩu.
- 8.7 Cung cấp thông tin về người có liên quan theo hướng dẫn của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- 8.8 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng Cấp tín dụng và theo quy định của pháp luật.

**Điều 9. Các thỏa thuận khác**

**9.1. Tính thống nhất:**

Hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng Cấp tín dụng. Hợp đồng này, Hợp đồng Cấp tín dụng và các tài liệu kèm theo (nếu có) là một thể thống nhất, xác lập toàn bộ thỏa thuận giữa các bên.

**9.2. Luật điều chỉnh:**

Hợp đồng này được điều chỉnh, giải thích theo pháp luật quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng và các quy định của Quy tắc Tín dụng Chứng từ.

**9.3. Giải quyết tranh chấp:**

Việc giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này thực hiện theo quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng.

**9.4. Hiệu lực:**

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày dưới đây cho đến sau khi hết Thời hạn Duy trì Hạn mức Phát hành Thư tín dụng và Khách hàng đã thực hiện xong tất cả nghĩa vụ của mình đối với Ngân hàng theo Hợp đồng này, trừ trường hợp có thỏa thuận khác:

Ngày ký Hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành 03 bản gốc có giá trị pháp lý ngang nhau. Ngân hàng giữ 02 bản và Khách hàng giữ 01 bản.

**ĐỂ GHI NHẬN CÁC THỎA THUẬN TRONG HỢP ĐỒNG NÀY**, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng và Khách hàng cùng ký Hợp đồng này làm căn cứ thực hiện.

**NGÂN HÀNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
**Phó giám đốc**

**KHÁCH HÀNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
**Chủ tịch Công ty**

**NGUYỄN CHUNG NAM**

**TRẦN THỊ THƠM**